

**MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA HỌC VIÊN CẢI NGHIỆN MA TÚY  
TẠI TRUNG TÂM CHỮA BỆNH - GIÁO DỤC - LAO ĐỘNG XÃ HỘI  
TỈNH HÀ NAM NĂM 2011**

16

11

*Trần Đắc Phú***TÓM TẮT**

Nghiên cứu mô tả cắt ngang một số đặc điểm của 300 học viên cai nghiện ma túy thuộc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Hà Nam (gọi tắt là Trung tâm 06) nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của công tác cai nghiện nói chung và triển khai điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế nhằm phòng chống HIV/AIDS trong nhóm đối tượng này nói riêng. Kết quả cho thấy: loại ma túy đã từng sử dụng chủ yếu là heroine: (80,6%); hình thức sử dụng ma túy chủ yếu là tiêm chích (87,7%). 23,2% đối tượng dùng lại bơm kim tiêm (BKT) của người khác và 26,6% đưa BKT của mình đã dùng cho người khác dùng lại. Chỉ có 39,3% đối tượng làm sạch BKT trước khi dùng chung. Phương pháp làm sạch BKT chủ yếu bằng biện pháp súc nước lạnh (69,9%) hoặc nước nóng (25,0%).

\* Từ khóa: Nghiện ma túy; Nguy cơ nhiễm HIV/AIDS; Đặc điểm học viên.

**THE CHARACTERS OF TRAINEES IN SOCIAL LABOUR - EDUCATION -  
TREATMENT CENTER IN HANAM PROVINCE, 2011**

**SUMMARY**

*The study on characteristics of trainees in Social Labour - Education - Treatment Center in Ha Nam province (called Center 06) was conducted by cross-sectional method, the sample size was 300 trainees. The objectives were to improve effectiveness of detoxication and to apply method of replace treatment in order to prevent HIV/AIDS in this group. The result showed that heroine was the most popular drug in this group (80.6%), and about 87.7% of trainees using drugs by injection. There were 23.2%, who reused injected needle from others and 26.6% gave their injected needle to others. There were only 39.3% to have sharing needle and cleaned before injecting in this study. And the trainees usually clean the needle with cold water (69.9%) or hot water (25.0%).*

\* Key words: Drug; HIV/AIDS transmitted risk; Characters of trainees.

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

Tại tỉnh Hà Nam, tính đến ngày 16 - 02 - 2011, lũy tích số người nhiễm HIV là 1.206 người, trong đó số chuyển sang giai đoạn AIDS là 637 và tử vong do AIDS là 395. Hình thái lây truyền chủ yếu qua đường tiêm chích ma túy chiếm 52,5%. Tính đến ngày 30 - 4 - 2010, toàn tỉnh có 1.283 người

nghiện ma túy có hồ sơ kiểm soát, trong đó nam giới là 1.264 và nữ là 19 người. Do vậy, nguy cơ lây nhiễm HIV trong nhóm này rất cao.

Để góp phần giải quyết vấn đề gia tăng tỷ lệ lây nhiễm HIV trong nhóm tiêm chích ma túy và từng bước nâng cao hiệu quả của công tác cai nghiện, tiến hành triển khai

\* Cục Quản lý Môi trường Y tế

**Phản biện khoa học : PGS. TS. Đoàn Huy Hậu**

**PGS. TS. Lê Văn Bào**

điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế nói riêng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm: *Mô tả tình hình sử dụng ma túy và kiến thức, thái độ, thực hành về sử dụng BKT của học viên cai nghiện ma túy tại Trung tâm 06 tỉnh Hà Nam.*

**ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 4 - 2011 đến 10 - 2011. Áp dụng phương pháp nghiên cứu dịch tễ học mô tả, điều tra ngang thông qua biểu mẫu thu thập thông tin thiết kế sẵn. Đối tượng nghiên cứu là 300 học viên tại Trung tâm Cai nghiện 06 tỉnh Hà Nam.

Điều tra viên trực tiếp là cán bộ của Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Hà Nam. Xử lý và phân tích số liệu theo phương pháp thống kê ứng dụng trong y sinh học.

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

**1. Một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.**

\* *Phân bố đối tượng nghiên cứu theo nhóm tuổi:*

≤ 19 tuổi: 8 học viên (2,7%); 20 - 24 tuổi: 55 (18,3%); 25 - 29 tuổi: 81 (27,0%); 30 - 34 tuổi: 66 (22,0%); 35 - 39 tuổi: 52 (17,3%); 40 - 44 tuổi: 28 (9,3%); ≥ 45 tuổi: 10 (3,4%).

Phần lớn các đối tượng còn rất trẻ, chủ yếu ở nhóm tuổi 20 - 39, trong đó nhóm tuổi 25 - 29 chiếm tỷ lệ cao nhất (27,0%); nhóm tuổi 20 - 24 và nhóm tuổi 30 - 34 có tỷ lệ xấp xỉ bằng nhau (17,3 - 18,3%). Tỷ lệ này không khác biệt so với nghiên cứu của Đào Thị Minh An tại Thành phố Hà Nội năm 2006 và của Phạm Thị Đào tại Đà Nẵng năm 2009.

\* *Phân bố đối tượng nghiên cứu theo nghề nghiệp:*

Lao động tự do: 170 học viên (56,7%); nghề nghiệp ổn định: 89 (29,7%); lái xe: 31

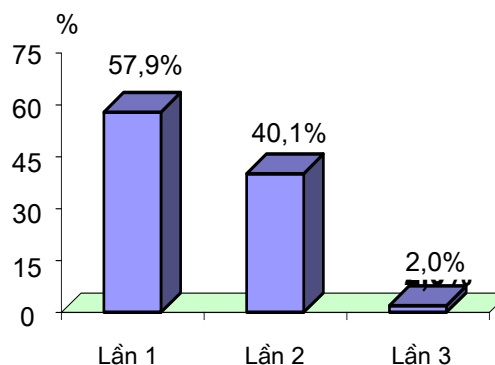
(10,3%); công nhân: 22 (7,3%); làm ruộng: 20 (6,7%); dịch vụ nhà hàng: 11 (3,7%); cán bộ, viên chức: 5 (1,7%); học sinh, sinh viên: 4 (1,3%); thất nghiệp: 37 (12,3%).

Trước khi vào cai nghiện tại Trung tâm 06, các học viên không có nghề nghiệp ổn định, lao động tự do chiếm tỷ lệ cao nhất (56,7%). Tỷ lệ có nghề nghiệp ổn định là 29,7%. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với kết quả Tổng điều tra cơ bản về ma túy trên phạm vi toàn tỉnh của Công an tỉnh Hà Nam năm 2010.

*Bảng 1: Phân bố đối tượng nghiên cứu theo giới tính và tình trạng hôn nhân.*

GIỚI TÍNH \ HÔN NHÂN	NAM		NỮ		CHUNG	
	n	%	n	%	n	%
Chưa kết hôn	128	42,7	6	2,0	134	44,7
Đã kết hôn	162	54,0	4	1,3	166	55,3
Tổng	290	96,7	10	3,3	300	100

Học viên cai nghiện tại Trung tâm chủ yếu là nam giới (96,7%); chỉ có 3,3% là nữ, trong đó đã kết hôn ở nam là 54,0% và ở nữ là 1,3%. Điều này cũng phù hợp khi phần lớn đối tượng còn trẻ và sự phân bố về giới của các học viên ở nam cao hơn nữ, tương tự kết quả ở những nghiên cứu khác.

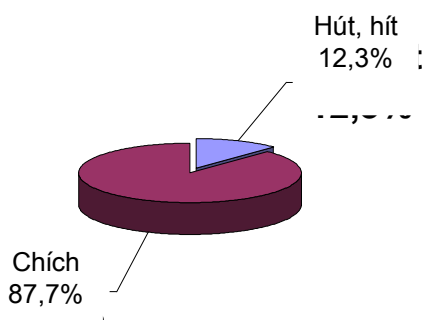


*Biểu đồ 1: Tỷ lệ tái nghiện quay trở lại trung tâm để cai nghiện.*

Số học viên cai nghiện lần đầu tại Trung tâm 06 là 57,9%. 40,1% số học viên tái nghiện quay trở lại cai tại Trung tâm 06 lần thứ 2 và 2,0% cai lần thứ 3.

Tỷ lệ tái nghiện sau cai tại bệnh viện điều trị cho người nghiện tại Mỹ là 93 - 97%; ở Việt Nam, tỷ lệ tái nghiện sau cai có nơi > 90%. Do đó, kết quả nghiên cứu này hoàn toàn phù hợp và việc đề nghị, tìm kiếm các nguồn đầu tư, chuẩn bị cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật cho việc triển khai điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế methadone trên địa bàn tỉnh Hà Nam là hết sức cần thiết.

**2. Sử dụng ma túy và kiến thức, thái độ, thực hành liên quan tới tiêm chích ma túy để phòng lây nhiễm HIV/AIDS.**



Biểu đồ 2: Hình thức sử dụng ma túy của đối tượng nghiên cứu.

Trong tổng số 300 học viên cai nghiện được hỏi, 87,7% (263 học viên) sử dụng ma túy bằng đường tiêm chích và chỉ có 12,3% sử dụng ma túy bằng đường hút, hít. Kết quả này tương tự với điều tra tại tỉnh Lâm Đồng của Đinh Thị Nga và CS (83,3%

sử dụng ma túy bằng đường tiêm chích; hút 12,2% và hít 4,5%).

Bảng 2: Hình thức sử dụng ma túy theo thời gian nghiện.

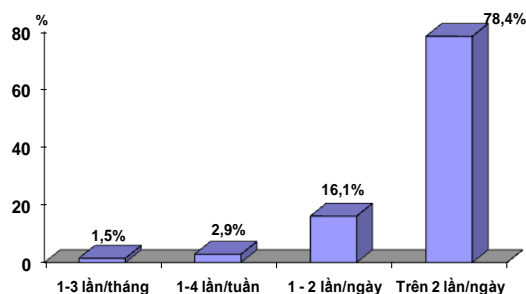
HÌNH THỨC THỜI GIAN NGHIỆN	CHÍCH (n = 263)		HÚT, HÍT (n = 37)	
	n	(%)	n	%
< 01 tháng	02	0,7	14	37,8
01 tháng - 02 năm	104	39,6	20	54,0
> 02 năm	157	59,7	3	8,2
Tổng	263	100	37	100

Tiến hành nghiên cứu sâu về hình thức sử dụng ma túy cho thấy: khi đã nghiện thời gian dài, phần lớn các đối tượng chuyển từ đường hút sang chích. Cụ thể: ở nhóm tiêm chích, 0,7% đối tượng nghiện < 01 tháng và 59,7% nghiện > 02 năm. Tuy vậy, ở nhóm nghiện dạng hút, chỉ có 8,2% đối tượng nghiện > 02 năm.

Loại ma túy sử dụng và thời gian sử dụng ma túy sẽ dẫn đến việc người sử dụng ma túy dùng nhiều hay dùng ít. Khi sử dụng ma túy, người dùng nó có xu hướng tăng liều, nên những người có thời gian sử dụng ma túy lâu năm thường có tần suất tiêm chích cao hơn.

\* Loại ma túy sử dụng của đối tượng nghiên cứu:

Heroin: 242 đối tượng (80,6%); cần sa, tài mà: 108 (36,0%); thuốc lắc: 16 (5,3%); an thần, khác: 45 (15,0%). Kết quả này ở một nghiên cứu với đối tượng tương tự của Hoàng Huy Phương năm 2009 tại tỉnh Ninh Bình thì sử dụng heroin là 72,8%.



*Biểu đồ 3: Tần suất tiêm chích ma túy trong tháng gần nhất.*

Trong tháng gần đây nhất trước khi vào Trung tâm cai nghiện, tỷ lệ các đối tượng nghiện cứu tiêm chích ma túy > 2 lần/ngày cao nhất (78,4%); từ 1 - 2 lần/ngày: 16,1%; 1 - 4 lần/tuần: 2,9% và 1 - 3 lần/tháng: 1,5%. Điều này phù hợp khi phần lớn các đối tượng nghiện cứu có thời gian nghiện > 02 năm.

*\* Hành vi dùng lại BKT của người khác khi tiêm chích ma túy (n = 263):*

Luôn luôn: 4 đối tượng (1,5%); thỉnh thoảng: 57 (21,7%); không bao giờ: 202 (76,8%), kết quả cho thấy đối tượng tiêm chích ma túy đã có nhận thức nhất định về nguy cơ lây nhiễm từ việc dùng chung BKT.

*\* Tỷ lệ đưa BKT của mình đã dùng rồi cho người khác dùng:*

Luôn luôn: 10 đối tượng (3,8%); thỉnh thoảng: 60 (22,8%); không bao giờ: 193 (73,4%). 70/263 đối tượng tiêm chích ma túy được hỏi có ý thức không dùng lại BKT của người khác, nhưng lại có hành vi đưa BKT của mình đã dùng rồi cho người khác dùng lại.

*\* Đối tượng dùng chung BKT khi tiêm chích ma túy:*

Vợ, người yêu: 5 đối tượng (8,1%); bạn tình chưa quen biết: 11 (18,0%); bạn chích, chủ chích, người bán ma túy: 45 (73,7%). Việc dùng chung BKT ở các đối tượng này là nguy cơ lây nhiễm HIV.

*\* Tỷ lệ làm sạch BKT khi dùng chung, dùng lại:*

39,3% đối tượng làm sạch BKT khi tiêm chích ma túy thường xuyên trước khi dùng chung, dùng lại. Phần lớn các đối tượng không làm sạch BKT trước khi tiêm chích (thỉnh thoảng: 30 đối tượng = 53,6%; không

bao giờ: 41 đối tượng = 7,1%). Đây cũng là một trong những yếu tố làm tăng nguy cơ lây nhiễm HIV từ các bạn chích cho nhau.

*\* Phương pháp làm sạch BKT:*

Các đối tượng nghiện cứu có dùng chung BKT chủ yếu làm sạch bằng biện pháp súc nước lạnh hoặc nước nóng, trong đó súc nước lạnh 39 đối tượng = 69,9% và súc bằng nước nóng 14 đối tượng = 25,0%. Như vậy, việc làm sạch BKT rất đơn giản và không có khả năng khử khuẩn để ngăn ngừa các bệnh lây truyền qua đường máu, trong đó có HIV.

*\* Nguồn cung cấp BKT khi tiêm chích (n = 263):*

202 (76,8%). Kết quả cho thấy đối tượng tiêm chích ma túy

BKT mà các đối tượng dùng để tiêm chích ma túy chủ yếu được mua từ các cơ sở y tế như phòng khám, bệnh viện, hiệu thuốc (219 đối tượng = 83,2%), từ người bán ma túy, bạn chích (40 đối tượng = 15,2%); từ họ hàng, gia đình 1,1% (3 đối tượng). Chỉ có 3,4% được cung cấp từ các chương trình, dự án. Như vậy, việc cung cấp BKT từ các dự án can thiệp giảm thiểu tác hại tới những đối tượng có nguy cơ cao còn hạn chế.

*\* Các hình thức cai nghiện trước khi vào Trung tâm 06:*

Trước khi vào Trung tâm 06 tỉnh Hà Nam để cai nghiện, chủ yếu các đối tượng tự cai không dùng thuốc, hồi phục sức khỏe tại gia đình (185 đối tượng = 91,1%). 1,0% đã dùng thuốc thay thế methadone ở các nơi khác. Hình thức cai nghiện tại gia đình được thực hiện dưới sự giám sát của gia đình, công an khu vực và chính quyền địa phương, sự hướng dẫn của y tế. Người nghiện được gia đình chủ động chăm sóc, nuôi dưỡng

theo điều kiện của gia đình. Tuy nhiên, hình thức này chỉ áp dụng với người nghiện ở mức độ nhẹ, có quyết tâm cao, tự giác cai nghiện.

### KẾT LUẬN

Tuổi trung bình tiêm chích ma túy lần đầu của đối tượng nghiên cứu là 25,9, trong đó, nam chiếm 96,7%. 41,4% số đối tượng đã nghiện từ 01 tháng đến 02 năm; 53,3% đã nghiện > 02 năm.

- Loại ma túy mà đối tượng đã từng sử dụng chủ yếu là heroine (80,6%), sau đó là cần sa, tài mà (36,0%) và thuốc lắc (5,3%). Hình thức sử dụng ma túy của đối tượng trước khi vào Trung tâm chủ yếu là tiêm chích (87,7%).

- 23,2% số đối tượng dùng lại BKT của người khác và 26,6% đưa BKT của mình đã dùng cho người khác dùng lại.

- Nguồn BKT mà đối tượng có được khi tiêm chích trước khi vào Trung tâm chủ yếu là mua ở hiệu thuốc, phòng khám (83,2%); từ các chương trình/dự án trao đổi BKT 3,0%.

- Chỉ có 39,3% đối tượng nghiên cứu có dùng chung BKT khi tiêm chích ma túy thường xuyên làm sạch BKT trước khi dùng chung. Phương pháp làm sạch BKT chủ yếu bằng biện pháp súc nước lạnh hoặc nước nóng.

- Trước khi vào Trung tâm cai nghiện, 67,7% học viên đã từng tự cai ở nhà và ở các cơ sở cai nghiện khác. Hình thức cai nghiện trước khi vào Trung tâm chủ yếu là tự cai không dùng thuốc, hồi phục sức khỏe tại gia đình (91,1%). Tỷ lệ học viên tái nghiện quay lại cai nghiện tại Trung tâm lần thứ 2 là 40,1% và 2,0% lần thứ 3. Trong đó 1,0% đối tượng đã dùng methadone.

### KHUYẾN NGHỊ

Các đối tượng nghiện ma túy > 02 năm chủ yếu là tiêm chích. Khi chích ma túy, các đối tượng vẫn sử dụng chung BKT và BKT không được khử trùng. Do đó, nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS trong những đối tượng này rất cao. Để hạn chế lây truyền HIV/AIDS ở những đối tượng này tại tỉnh Hà Nam, cần nghiên cứu áp dụng mô hình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thị Minh An. Thực trạng, nguy cơ lây nhiễm HIV và đề xuất mô hình tư vấn, xét nghiệm, chăm sóc HIV/AIDS cho học viên tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội 1, Luận án Tiến sỹ Y học. Chuyên ngành: Vệ sinh học xã hội và Tổ chức Y tế. Trường Đại học Y Hà Nội. 2006.

2. Phạm Thị Đào và CS. Nghiên cứu tình hình nhiễm HIV của các học viên nghiện chích ma túy tại Trung tâm Giáo dục dạy nghề 05 - 06 Thành phố Đà Nẵng. Các công trình NCKH về HIV/AIDS giai đoạn 2006 - 2010. Tạp chí Y học thực hành. 2009, số 742 + 743, tr.87-91.

3. Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Hà Nam. Báo cáo kết quả tổng điều tra cơ bản, công tác sưu tra, đấu tranh chuyên án của lực lượng CSĐTTP về ma túy đợt I năm 2010. 2010.

4. Đinh Thị Nga và CS. Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi liên quan đến lây nhiễm HIV/AIDS của người nghiện chích ma túy tại tỉnh Lâm Đồng. Các công trình NCKH về HIV/AIDS giai đoạn 2006 - 2010. Tạp chí Y học thực hành. 2009, số 742 + 743.

5. A. Arif, P.H. Hughes, I. Khan, U Khant, C.J.Klett, V.Navaratnam, M. Shafique - World Health organization. Drug dependence: A Methodology for Evaluating Treatment and Rehabilitation. 1987.

6. United Nation - Office on Drug and Crime. World Drugs Report. HIV/AIDS and Drugs. 2005.

